

CHÍNH PHỦ
Số: 158/2006/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Luật Thương mại về việc thành lập Sở Giao dịch hàng hóa và hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Sở Giao dịch hàng hóa và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Điều lệ hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa (sau đây gọi tắt là Điều lệ hoạt động) là Quy tắc điều chỉnh hoạt động giao dịch của Sở Giao dịch hàng hóa, của các thành viên và các chủ thể khác liên quan đến hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa.

2. Hoạt động tự doanh là việc thành viên kinh doanh của Sở Giao dịch hàng hóa hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa cho chính mình.
3. Lệnh giao dịch là yêu cầu bằng văn bản để mua hoặc bán hàng hóa của thành viên kinh doanh nhằm thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa.
4. Lệnh ủy thác giao dịch là yêu cầu bằng văn bản của khách hàng đối với thành viên kinh doanh thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa trên cơ sở hợp đồng ủy thác giao dịch.
5. Ngày đầu tiên giao dịch hợp đồng là ngày do Sở Giao dịch hàng hóa ấn định để kể từ ngày đó hợp đồng này được phép giao dịch.
6. Ngày cuối cùng giao dịch hợp đồng là ngày do Sở Giao dịch hàng hóa ấn định để kể từ sau ngày đó hợp đồng này không còn được phép giao dịch.
7. Ký quỹ bảo đảm tư cách thành viên là việc thành viên gửi một khoản tiền hoặc giấy tờ có giá khác vào tài khoản phong tỏa theo chỉ định của Sở Giao dịch hàng hóa để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thành viên.
8. Ký quỹ giao dịch là việc thành viên gửi một khoản tiền vào tài khoản phong tỏa theo chỉ định của Sở Giao dịch hàng hóa để bảo đảm thực hiện giao dịch.
9. Phí thành viên là khoản tiền thành viên phải nộp cho Sở Giao dịch hàng hóa theo quy định tại Điều lệ hoạt động.
10. Phí giao dịch là khoản tiền thành viên phải trả cho Sở Giao dịch hàng hóa để được thực hiện từng giao dịch.
11. Tháng đáo hạn hợp đồng là tháng mà hợp đồng giao dịch phải được thực hiện.
12. Tất toán hợp đồng là việc thanh toán tất cả các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng mà các bên nắm giữ hợp đồng phải thực hiện.
13. Khách hàng là tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của Sở Giao dịch hàng hóa, thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa thông qua việc ủy thác cho thành viên kinh doanh của Sở Giao dịch hàng hóa.

Điều 4. Quản lý Nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa.
2. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa. Bộ Thương mại thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
 - a) Trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa;
 - b) Quyết định việc thành lập và hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa, phê chuẩn Điều lệ hoạt động và phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa; ban hành danh mục hàng hoá được phép giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa;
 - c) Thực hiện các biện pháp quản lý cần thiết trong trường hợp khẩn cấp;
 - d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa;
 - đ) Quy định lộ trình và điều kiện cho thương nhân Việt Nam tham gia giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài trong từng thời kỳ;
 - e) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thương mại.
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn chế độ thanh toán trong hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa; quy định cụ thể điều kiện hoạt động của Trung tâm thanh toán.
4. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các chế độ về thuế, phí, lệ phí đối với hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa; phối hợp với Bộ Thương mại trong việc thẩm tra năng lực tài chính của các sáng lập viên của Sở Giao dịch hàng hóa.
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thương mại trong việc thẩm tra tính khả thi của việc thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa

trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 5. Mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài

1. Thương nhân Việt Nam có quyền tham gia hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài theo lộ trình, điều kiện và phạm vi do Bộ Thương mại quy định và công bố trong từng thời kỳ.

2. Khi tham gia hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài, thương nhân Việt Nam phải tuân thủ các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, thanh toán quốc tế và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam.

Chương II

SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ

Điều 6. Địa vị pháp lý của Sở Giao dịch hàng hóa

Sở Giao dịch hàng hóa là pháp nhân được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của Nghị định này.

Điều 7. Thẩm quyền cho phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa; phê chuẩn Điều lệ hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa.

Điều 8. Điều kiện thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

Sở Giao dịch hàng hóa được thành lập nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Vốn pháp định là một trăm năm mươi tỷ đồng trở lên;
2. Điều lệ hoạt động phù hợp với quy định của Nghị định này;
3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có bằng đại học, cử nhân trở lên và có thời gian công tác trong lĩnh vực kinh tế - tài chính ít nhất là 05 năm; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
4. Các điều kiện khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

Hồ sơ đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa gồm:

1. Văn bản đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa theo mẫu của Bộ Thương mại;
2. Danh sách các thành viên trong trường hợp Sở Giao dịch hàng hóa hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn và các giấy tờ kèm theo sau đây:
 - a) Đối với thành viên là cá nhân: bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - b) Đối với thành viên là tổ chức: bản sao quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức; văn bản ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền.
3. Danh sách cổ đông sáng lập trong trường hợp Sở Giao dịch hàng hóa hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và các giấy tờ kèm theo sau đây:
 - a) Đối với cổ đông là cá nhân: bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - b) Đối với cổ đông là tổ chức: bản sao quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức; văn bản ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền.
4. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền;
5. Giải trình kinh tế - kỹ thuật với các nội dung về mục tiêu, địa điểm thành lập, tiến độ thành lập và đi vào hoạt động, giải pháp công nghệ để thực hiện giao dịch;
6. Dự thảo Điều lệ hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa;
7. Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 10. Thẩm tra và cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

1. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thẩm tra các điều kiện và hồ sơ đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này.
2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa, Bộ Thương mại phải xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và có thể yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu còn thiếu theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.